

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **491/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/9/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Châu Vũ Bình**;

2. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 357/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 119/2020/QĐST-HNST ngày 26/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Minh A**, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Thạch Thị B**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Lê Minh A trình bày: anh và chị B cưới nhau vào năm 2006 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D ngày 09/10/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi. Anh chị đã sống ly thân tháng 05/2020 cho đến nay. Nay anh A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh xin ly hôn với chị B.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ F sinh ngày 30/01/2007 và Lê Minh G sinh ngày 03/11/2014 hiện 02 con đang sống với anh A, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, anh A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn chị Thạch Thị B từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng chị B vẫn vắng mặt không lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, anh Lê Minh A vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện, anh trình bày anh và chị đã ly thân không còn chung sống từ tháng 05/2020 cho đến nay nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B. Về con chung có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ F sinh ngày 30/01/2007 và Lê Minh G sinh ngày 03/11/2014 hiện 02 con đang sống với anh A, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, anh A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của Lê Minh A về việc tranh chấp “ly hôn” với chị Thạch Thị B có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tổ tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E.

Anh A và chị B tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Nay, anh A xin ly hôn với chị B nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của anh Lê Minh A tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh A và chị B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, cưới nhau do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện E, Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn về kinh tế và càng ngày trầm trọng, anh chị sống ly thân từ tháng 05/2020 đến nay. Nay anh A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh xin ly hôn với chị B, đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị B nhưng chị B vẫn không đến tham dự phiên tòa, điều đó chứng tỏ chị B không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh A. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A, chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh A là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: - Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ F sinh ngày 30/01/2007 và Lê Minh G sinh ngày 03/11/2014 hiện 02 con đang sống với anh A, cháu F có nguyện vọng sống với anh A. Xét thấy từ khi anh chị sống ly thân anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, hai cháu có cuộc sống ổn định, phát triển tốt do đó cần tiếp tục giao 02 con chung Mỹ F, Minh G cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, anh A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 2 Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh A.

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Minh A được ly hôn với chị Thạch Thị B.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Mỹ F sinh ngày 30/01/2007 và Lê Minh G sinh ngày 03/11/2014 cho anh Lê Minh A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc anh A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Chị B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Anh Lê Minh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003945 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Chị Thạch Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND Tỉnh TG;

-VKSNDHCG-TG

-Chi cục THADSHCG;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng